

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2017

V/v tranh chấp “ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hòa

2. Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **T** - sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Số nhà A đường B, khóm C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Bạc Liêu, (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **X** - sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: Số nhà A đường B, khóm C, phường D, thành phố Đ, tỉnh Bạc Liêu, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2017, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cách đây khoảng 24 năm. Chị và anh X không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã không thể hòa hợp với nhau được, cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống chị và anh X có 02 con chung là cháu M, sinh ngày 09/2/1992 và cháu T sinh ngày 29/6/1999, hiện cháu M đủ tuổi trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; riêng cháu T, tính đến ngày chị nộp đơn yêu cầu khởi kiện tại Tòa án cháu 17 năm 10 tháng 4 ngày tuổi nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T đã trên 18 tuổi có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao

động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị và anh X không có tài sản chung và vợ chồng anh chị không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

- *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T yêu cầu ly hôn với anh X, xét đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn cư trú tại thành phố Q, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Bị đơn anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cách đây khoảng 24 năm là có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh X.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh X có 02 con chung là M, sinh ngày 09/2/1992 và T sinh ngày 29/6/1999. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm M và T đều đủ tuổi trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên chị T không yêu cầu xem xét giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị và anh X không có tài sản chung, anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh X đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án, cũng không có văn bản đặt ra yêu cầu gì đối với tài sản chung và nợ chung, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh X.

2/. Về con chung: Chị T và anh X có 02 con chung là cháu M, sinh ngày 09/2/1992 và cháu T sinh ngày 29/6/1999, cả 02 đều đủ tuổi trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động. Chị T, anh X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, anh X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007134 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có quyền kháng cáo bản án. Riêng anh X vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thành Q;
-CCTHADS Tp. Q;
-Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Quỳnh

Bạc Liêu, ngày 02 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 02 tháng 8 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

.....

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2017 về việc “*không công nhận vợ chồng*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thanh Tuyền**

- Bị đơn: Anh **Trần Văn Xuân**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 các nội dung sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thanh Tuyền và anh Trần Văn Xuân.

2/. Về con chung: 02 cháu Trần Thanh Thanh, sinh ngày 09/2/1992 và Trần Thanh Tuyết sinh ngày 29/6/1999 đều đủ tuổi trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự. Chị Tuyền, anh Xuân không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thanh Tuyền xác định không có, anh Trần Văn Xuân không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Phạm Thanh Tuyền phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Tuyền đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007134 ngày 12/5/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Tuyền có quyền kháng cáo bản án. Riêng anh Xuân vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày 25 tháng 7 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Quỳnh